| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH VĨNH PHÚC** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 18/2023/DS-PT
Ngày 15 - 3 - 2023
"V/v Tranh chấp ranh giới đất"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Ông Nguyễn Xuân Trọng

*Các Thẩm phán*: Bà Nguyễn Thị Thu Hà

Bà Nguyễn Thị Thu Hiền

***- Thư ký phiên toà***: Bà Đoàn Thị Thùy Dương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc***: Bà Lê Thị Huệ - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 15 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 85/2022/TLPT-DS ngày 07 tháng 11 năm 2022, về việc "Tranh chấp ranh giới đất". Do bản án Dân sự sơ thẩm số 27/2022/DS-ST ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện V có kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 95/2022/QĐ-PT ngày 09 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Ông Đỗ Ngọc C, sinh năm 1951.

Nơi cư trú: Thôn Y, xã V1, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc, "có mặt''.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông C: Ông Trần Minh X, Luật sư – Công ty luật TNHH TMX; địa chỉ: Số 174 N, L, V1, Vĩnh Phúc, "có mặt''.

**2. Bị đơn:** Bà Lê Thị C1, sinh năm 1951.

Nơi cư trú: Thôn Y, xã V1, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc, "có mặt''.

**3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan**:

- Bà Trần Thị T, sinh năm 1955.

Nơi cư trú: Thôn Y, xã V1, huyện V, Vĩnh Phúc.

- Anh Đỗ Ngọc L1, sinh năm 1977.

Nơi cư trú: Thôn Y, xã V1, huyện V, Vĩnh Phúc.

- Anh Đỗ Hồng K, sinh năm 1979.

Nơi cư trú: Thôn Y, xã V1, huyện V, Vĩnh Phúc.

- Chị Đỗ Thị L2, sinh năm 1982.

Nơi cư trú: Thôn T1, xã B, huyện V, Vĩnh Phúc.

- Chị Đỗ Thị L3, sinh năm 1985.

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã Đ1, huyện Đ2, Tp Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của bà T, anh L1, anh K, chị L2, chị L3: Ông Lương Trí T3, sinh năm 1955; nơi cư trú: Tổ dân phố N1, thị trấn V, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc, "có mặt''.

- Chị Đặng Thị T2, sinh năm 1977.

Nơi cư trú: Thôn Y, xã V1, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc, "vắng mặt''.

- Chị Đặng Thị T3, sinh năm 1979.

Nơi cư trú: Thôn Y, xã V1, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc, "có mặt".

- Chị Đặng Thị Q, sinh năm 1982.

Nơi cư trú: Thôn Y1, xã V2, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc, "vắng mặt".

- Chị Đặng Thị P, sinh năm 1984.

Nơi cư trú: Thôn X1, xã V2, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc, "có mặt".

- Chị Đặng Thị L2, sinh năm 1987; nơi cư trú: Thôn Y, xã V1, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc, "có mặt''.

- Chị Đặng Thị H, sinh năm 1991; nơi cư trú: Thôn Y, xã V1, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc, "vắng mặt''.

**4. Người kháng cáo**: Nguyên đơn ông Đỗ Ngọc C.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 31/3/2022 và những lời khai tiếp theo của nguyên đơn, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Gia đình ông sử dụng thửa đất số 156, tờ bản đồ số 01 có diện tích là 313 $m^2$ trong đó có 200 $m^2$ là đất ở và 113 $m^2$ đất vườn; địa chỉ thửa đất ở Thôn Y, xã V1, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên hộ ông Đỗ Ngọc C được UBND huyện Vĩnh Lạc (nay là UBND huyện V) cấp năm 1993.

Nguồn gốc thửa đất là do cha ông để lại, tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không làm thủ tục ký các hộ giáp ranh. Trước đây thửa đất của gia đình ông và gia đình bà C1 có 01 hàng rào cây sắt quỷ ngăn ranh giới giữa hai bên, đến 1984 ông làm 01 nhà 05 gian cấp IV để ở, đến năm 1990 gia đình ông xây các công trình phụ trên đất bao gồm nhà vệ sinh, 02 gian chuồng lợn, 02 gian nhà ngang giáp đất nhà bà C1, khi xây các công trình này đều quay lưng lại đất nhà bà C1 và để chừa lại phía trước khoảng 40 cm, phía sau giáp đất nhà bà C1 khoảng 70 cm đất để làm giọt ranh. Đến năm 2015 gia đình ông tháo dỡ bỏ 02 gian chuồng lợn và nhà vệ sinh để xây 03 gian công trình phụ như bây giờ, khi xây các công trình này đều tôn trọng mốc giới cũ, hiện tại toàn bộ phần đất giọt ranh cũng như rãnh thoát nước là đất của gia đình ông, không phải đất của gia đình bà C1. Năm 1984 khi nhà bà C1 xây 02 gian nhà cấp IV trong đó có 01 gian bếp và 01 gian chuồng bò, cụ Thanh là bố chồng bà C1 có sang nói chuyện với bố ông là cụ Đỗ Văn Bàn cho xây nhờ sang đất nhà ông khoảng 70 cm, việc này chỉ nói bằng miệng không có giấy tờ văn bản và chỉ có 02 cụ nói với nhau, không có người làm chứng. Trong suốt quá trình sử dụng đất hai bên gia đình không có tranh chấp, đến năm 2019 gia đình bà C1 xây cổng xây lên phần rãnh thoát nước phía sau của gia đình ông, ông có nói nhưng bà C1 không nghe, bà C1 cho rằng toàn bộ phần rãnh thoát nước là của chung của 02 gia đình, không phải của gia đình ông vì vậy ông mới khởi kiện yêu cầu bà C1 phải tháo dỡ công trình bao gồm trụ cổng và công trình bếp trên phần đất lấn chiếm và trả lại diện tích đã lấn chiếm cho gia đình ông khoảng 10 $m^2$.

Bị đơn bà C1 trình bày: Bà và ông Đặng Văn Liêm (đã chết năm 2005) kết hôn năm 1972. Sau khi cưới, bà về làm dâu và ở chung cùng gia đình ông L3. Bố mẹ chồng bà có 01 thửa đất diện tích khoảng hơn 1000$m^2$ ở Thôn Y, xã V1, huyện V. Đến năm 1982, bố mẹ chồng bà tách đất cho hai vợ chồng phần diện tích khoảng hơn 400$m^2$ (có cạnh phía Bắc giáp với hộ ông C) để ở riêng, năm 1993 gia đình bà được UBND huyện Vĩnh Lạc nay là UBND huyện V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Đặng Văn Liêm. Năm 1979 vợ chồng bà làm 04 gian nhà cấp IV để ở, đến năm 1984, vợ chồng bà xây dựng thêm 01 gian bếp và 01 gian chuồng bò sát đất nhà ông C, khi xây gia đình bà không lấn chiếm, xây đúng mốc giới có để lại 20 cm để làm giọt ranh, khoảng năm 2013 bà làm lại mái bếp có làm giọt ranh rộng thêm như hiện tại, đến năm 2012 bà phá bỏ 01 gian chuồng bò, hiện chỉ còn 01 gian bếp giáp đất nhà ông C. Bà thừa nhận phần đất thuộc rãnh thoát nước là của gia đình ông C, không phải của gia đình nhà bà. Năm 2015, ông C có đơn đề nghị giải quyết tranh chấp đất đai với gia đình bà ở UBND xã V2. Tại biên bản xác minh ranh giới đất thổ cư ngày 19/11/2015 của UBND xã

V2 sau khi kiểm tra thực tế hiện trạng sử dụng cùng các chiều cạnh của thửa đất nhà bà, thửa đất nhà ông C đã kết luận không có sự lấn chiếm. Đầu năm 2021, ông C tiếp tục có đơn đề nghị giải quyết tranh chấp đất đai với gia đình bà tại UBND xã V2, tuy nhiên sau khi UBND xã tiến hành hòa giải, cả hai bên không thống nhất được với nhau về mốc giới thửa đất vì vậy xảy ra tranh chấp. Nay ông C khởi kiện bà ra Tòa án nhân dân huyện V yêu cầu bà phải tháo dỡ công trình bao gồm trụ cổng và công trình bếp trên phần đất lấn chiếm và trả lại diện tích 10m$^2$ đất đã lấn chiếm cho gia đình ông C. Quan điểm của bà không đồng ý vì gia đình bà sử dụng ổn định và không có sự lấn chiếm sang đất nhà ông C.

Ông Lương Trí T3 là người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị T, anh Đỗ Ngọc L1, anh Đỗ Hồng K, chị Đỗ Thị L2, chị Đỗ Thị L3 trình bày: Ông hoàn toàn nhất trí với ý kiến của của ông Đỗ Ngọc C và không có ý kiến bổ sung nào khác.

Bà Trần Thị T, anh Đỗ Ngọc L1 có mặt tại phiên tòa đồng ý với ý kiến của ông C và ý kiến của ông T3 là người đại diện theo ủy quyền, không có ý kiến bổ sung gì. Bà T, anh L1 đề nghị Tòa án xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông C.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Đặng Thị T3 và chị Đặng Thị L2 thống nhất trình bày: Các chị là con của ông L3 và bà C1, thửa đất hiện bà C1 đang đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là tài sản của ông L3 và bà C1, các chị không có ý kiến gì. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông C các chị cũng đồng ý với ý kiến của bà C1, đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông C.

Chị Đặng Thị T2, Đặng Thị Q, Đặng Thị P, Đặng Thị H tuy vắng mặt tại phiên tòa, nhưng tại đơn trình bày ngày 22/4/2022 các chị cũng thống nhất với ý kiến của chị T3 và chị L2, không có ý kiến gì khác, các chị đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông C.

Với nội dung trên, Tòa án nhân dân huyện V đã Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 156,157, 158, 163, 164, 165, 166, 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 166, 175, Điều 176 Bộ luật dân sự 2015; Điều 166, 203 Luật đất đai năm 2013; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

**1.** Chấp nhận một phần yêu cầu của ông Đỗ Ngọc C về việc yêu cầu bà Lê Thị C1 trả lại đất đã lấn chiếm.

Xác định ranh giới thửa đất của gia đình ông Đỗ Ngọc C và gia đình bà Lê Thị C1 là đường thẳng gấp khúc kéo dài từ cổng gia đình bà C1 theo rãnh thoát nước chạy dọc ngăn hai thửa đất của gia đình ông C và gia đình bà Cự có ký hiệu: 6,23,22,b,20,a (Có sơ đồ hiện trạng kèm theo).

Buộc bà Lê Thị C1 phải tháo dỡ 01 trụ cổng xây trên phần đất có ký hiệu 5,6,23,22,b,20a,20,25,24, cùng phần mái bếp le sang phần đất nhà ông C có ký hiệu 20,a,b,25 = 0,51 $m^2$ để trả lại 4,01 $m^2$ đất cho ông Đỗ Ngọc C, (Có sơ đồ hiện trạng kèm theo).

2. Không chấp nhận yêu cầu tháo dỡ một phần nhà cấp IV xây trên diện tích 1,5 $m^2$ đất có ký hiệu 22,b,a,21 = 1,5$m^2$ của ông Đỗ Ngọc C (Có sơ đồ hiện trạng kèm theo).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí dân sự, chi phí tố tụng, quyền thi hành án và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 05/10/2022, nguyên đơn ông Đỗ Ngọc C có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết việc bà C1 lấn chiếm đất gia đình ông khoảng 10$m^2$ đất, yêu cầu bà C1 tháo dỡ công trình xây trên đất.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn ông C giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và giữ nguyên nội dung kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm buộc bà C1 trả lại diện tích lấn chiếm khoảng 10$m^2$ đất và yêu cầu bà C1 tháo dỡ công trình xây trên đất.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông C đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của ông C, sửa Bản án sơ thẩm.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị T, anh Đỗ Ngọc L1, anh Đỗ Hồng K, chị Đỗ Thị L2, chị Đỗ Thị L3 là ông Lương Trí T3 vẫn giữ nguyên quan điểm như trình bày ở cấp sơ thẩm.

Bị đơn bà Lê Thị C1 và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Đặng Thị T2, chị Đặng Thị T3, chị Đặng Thị Q, chị Đặng Thị P, chị Đặng Thị L2, chị Đặng Thị H vẫn giữ nguyên quan điểm như cấp sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án; các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Sau khi phân tích nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Đỗ Ngọc C; áp dụng khoản 1

Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên Bản án số 27/2022/DS-ST ngày 22/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Đỗ Ngọc C làm trong hạn luật định, đơn hợp lệ nên được chấp nhận để xem xét.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Đặng Thị T2, chị Đặng Thị Q và chị Đặng Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt.

[2]. Xét nội dung kháng cáo của nguyên đơn ông C yêu cầu bà C1 trả lại khoảng 10m$^2$ đất, đồng thời yêu cầu bà C1 tháo dỡ công trình có trên trên phần đất lấn chiếm, Hội đồng xét xử thấy rằng: Về nguồn gốc quá trình sử dụng đất, ông C, bà C1 đều thừa nhận nguồn gốc đất do cha ông để lại, quá trình sử dụng hai bên gia đình đã xây dựng các công trình kiên cố trên đất, cụ thể: Năm 1984 bà C1 xây 01 gian bếp và 01 gian chuồng bò sát đất nhà ông C, khi xây có chừa giọt ranh 20cm sang đất nhà ông C, đến năm 2012 đã phá bỏ chuồng bò hiện chỉ còn 01 gian bếp. Ông C xây nhà ở năm 1984, đến năm 1990 gia đình ông xây các công trình phụ trên đất bao gồm nhà vệ sinh, 02 gian chuồng lợn, 02 gian nhà ngang giáp đất nhà bà C1 các công trình này được xây dựng trước khi các bên được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[3]. Đối với diện tích đất tranh chấp giữa 02 gia đình, theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 07/7/2022 có diện tích 5,51 m$^2$, trong đó có một phần là rãnh thoát nước, phần khoảng trống phía sau gian công trình phụ của gia đình bà C1 và phần diện tích mái le nhà cấp IV của bà C1.

[3.1]. Đối với phần rãnh thoát nước giữa hai gia đình: Quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà C1 thừa nhận phần rãnh thoát nước có diện tích = 2,5 m$^2$ thuộc phần đất của gia đình ông C chảy dài theo thửa đất, rãnh thoát nước này tồn tại từ khi các bên xây công trình trên đất dùng để thoát nước giọt ranh của gia đình ông C. Năm 2019 gia đình bà C1 xây trụ cổng và xây tường ngăn lấn sang khoảng hơn 10 cm (qua đo đạc thực tế là 18cm), xây trên phần rãnh thoát nước, do đó yêu cầu của ông C về việc buộc bà C1 phải có trách nhiệm tháo dỡ phần tường và phần trụ cổng để trả lại phần đất đã lấn chiếm, cũng như trả lại phần rãnh thoát nước cho gia

đình ông C là có căn cứ. Cấp sơ thẩm sau khi xem xét đánh giá chấp nhận đối với phần yêu cầu này của ông C là phù hợp.

[3.2]. Đối với yêu cầu của ông C buộc bà C1 phải tháo dỡ một phần ngôi nhà cấp IV xây năm 1984 để trả lại phần đất lấn chiếm cho gia đình ông C thấy rằng: Ngôi nhà cấp IV được gia đình bà C1 xây từ năm 1984, có trước khi gia đình ông C, gia đình bà C1 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ngôi nhà đã tồn tại trên 30 năm nên được coi là ranh giới ngăn cách giữa hai thửa đất. Trong suốt quá trình sử dụng từ những năm 1984 đến nay gia đình ông C không có ý kiến gì. Quá trình giải quyết vụ án ông C cho rằng khi xây 02 gian nhà bếp, bố chồng bà C1 là cụ Đặng Văn A có sang đặt vấn đề mượn phần đất này với bố đẻ ông là cụ Đỗ Văn Z nhưng ông không có chứng cứ chứng minh. Tòa án đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ, mặc dù diện tích đất gia đình ông C, qua đo đạc thực tế có giảm 14,9 $m^2$ đất và diện tích thực tế nhà bà C1 tăng 79$m^2$ so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tuy nhiên xác minh tại địa phương được biết, sở dĩ có sự chênh lệch là do tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất căn cứ vào bản đồ 299 nên số liệu đo đạc không chính xác, hơn nữa các hộ tự kê khai nên có sự sai số nhất định. Phía bà C1 thừa nhận khi xây nhà cấp IV chỉ chừa lại 20 cm để làm thoát nước giọt ranh, đến năm 2019 bà sửa lại phần mái để phần giọt ranh lấn sang đất nhà ông C khoảng hơn chục phân (đo đạc thực tế một chiều lấn sang 11cm, một chiều 16 cm, chạy dọc 3,72m; tổng diện tích lấn sang 0,51$m^2$), theo quy định tại khoản 2 Điều 175 của Bộ luật dân sự năm 2015 thì người sử dụng đất được sử dụng không gian và lòng đất theo chiều thẳng đứng từ ranh giới của thửa đất, phù hợp với quy định của pháp luật và không được làm ảnh hưởng đến việc sử dụng đất của người khác. Do vậy để tôn trọng mốc giới cũ cần buộc bà C1 tháo giỡ phần giọt ranh xây sang nhà ông C để trả lại 0,51$m^2$ đất cho gia đình ông C là có căn cứ. Cấp sơ thẩm sau khi xem xét, đánh giá toàn diện vụ án, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông là có cơ sở.

Từ phân tích trên thấy rằng yêu cầu kháng cáo của ông C không có cơ sở chấp nhận, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm. Tuy nhiên, do bản án sơ thẩm có nội dung tuyên chưa rõ, nên cấp phúc thẩm sẽ điều chỉnh lại cách tuyên cho phù hợp.

[4]. Về án phí: Do C là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí lệ phí Tòa án thì ông C được miễn toàn bộ tiền án phí .

[5]. Ý kiến của đại diện Viện kiểm nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc về giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015: Giữ nguyên Bản án số: 27/2022/DS-ST ngày 29 tháng 02 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện V.

Căn cứ vào các Điều 156, 157, 158, 163, 164, 165, 166 và 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 166, 175 và 176 của Bộ luật Dân sự 2015; Điều 166, Điều 203 của Luật Đất đai năm 2013; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

**1.** Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Ngọc C, buộc bà Lê Thị C1 phải tháo dỡ một phần trụ cổng (có ký hiệu 5, 6, 6', 5'), phần mái bếp le sang phần đất nhà ông C (có ký hiệu 20, a, b, 25) để trả lại 4,01m$^2$ đất cho ông Đỗ Ngọc C. Ranh giới giữa thửa đất của gia đình ông Đỗ Ngọc C và gia đình bà Lê Thị C1 được giới hạn ở các điểm 6, 23, 22, b, a, 20 *(Có sơ đồ hiện trạng kèm theo).*

**2.** Về chi phí tố tụng: Bà Lê Thị C1 phải có trách nhiệm thanh toán trả cho ông Đỗ Ngọc C 3.700.000đ tiền chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản.

Kể từ ngày ông C có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong số tiền trên, hàng tháng bà C1 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

**3.** Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị C1 và ông Đỗ Ngọc C được miễn án phí dân sự sơ thẩm .

**4.** Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

**5.** Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận:***
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- TAND huyện V;
- VKSND huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**

Đã ký

**Nguyễn Xuân Trọng**